TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH Đ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2022/DS-PT
Ngày: 10-5-2022
V/v:*"Tranh chấp hợp đồng hợp tác"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tâm

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Mạnh Hùng

Ông Nguyễn Văn Đức

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Khánh Thành - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Đ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đ: Ông Trần Minh Công - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2022/TLPT – DS ngày 16/3/2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng hợp tác".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2021/DS-ST ngày 14/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 66/2022/QĐ-PT ngày 31 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà phúc thẩm số: 69/2022/QĐ-PT ngày 26/4/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc Tố Q, sinh năm 1995; Trú tại: số 849/8 Hùng Vương, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đ. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Thanh D, sinh năm 1967; trú tại: số 11A Lam Sơn, phường S, thành phố L, tỉnh Đ. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Phạm Ngọc Thiên T, sinh năm 1992; trú tại: số 167 đường K, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đ. Địa chỉ liên hệ: D2, đường 5B Him Lam, phường H, quận 7, thành phố M.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Bà Lê Thị Huyền T, sinh năm: 1993; Trú tại: 30/105 Lâm Văn B, phường K, Quận 7, Thành phố M. (Theo văn bản uỷ quyền ngày 18/4/2022). Có mặt.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Cao Thế Luận - Công ty Luật TNHH Kao Kiến - thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bạc Liêu. Có mặt.

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Phạm Ngọc Thiên T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Thanh D trình bày: Ngày 28-02-2018 Bà Q có ký thỏa thuận với bà Phạm Ngọc Thiên T (Cửa hàng đá quý - Đá phong thủy Phúc Khang), địa chỉ: số 167 Lý Thường Kiệt, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đ. Theo đó, Bà Q làm đại lý cho thương hiệu đá phong thủy Phúc Khang tại địa chỉ số: 177 Cao Đạt, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi ký thỏa thuận, Bà Q đã ký hợp đồng thuê nhà, lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng, camera, máy lạnh,… và có đưa cho bà T số tiền 120.000.000đồng để bà T chi phí cho việc trang trí cửa hàng và cung cấp mặt hàng đá, bà T đã cung cấp đá cho bà vào ngày 24-3-2018 để chuẩn bị cho việc khai trương cửa hàng nhưng đến ngày 25-3-2018 khi bà đi ăn trưa thì bà T cùng chồng và một số người khác đã tự ý vào cửa hàng chở sản phẩm đá đi mà không có sự đồng ý của bà. Việc làm trên của bà T đã vi phạm thỏa thuận đã ký, dẫn đến việc kinh doanh phải ngừng hoạt động. Bà Q không thể hợp tác làm ăn với bà T nữa.

Nay yêu cầu Tòa án hủy bỏ thỏa thuận giữa Bà Q và bà T đã ký ngày 28-02-2018; yêu cầu bà T trả lại số tiền 120.000.000đồng và bồi thường tiền thuê nhà 01 tháng (từ ngày 08-3-2018 đến ngày 08-4-2018) là 14.000.000đồng, tiền đặt cọc thuê nhà bị mất là 42.000.000đồng, tiền lắp đặt hệ thống điện là 4.800.000đồng, chi phí lắp đặt internet tại cửa hàng là 1.200.000đồng. Tổng cộng 182.000.000đồng.

Bị đơn bà Phạm Ngọc Thiên T trình bày: Bà thừa nhận có việc thỏa thuận như Bà Q trình bày. Theo thỏa thuận trên thì Bà Q phải trả cho bà 120.000.000đồng là chi phí nhượng quyền một lần cho cả thời gian thỏa thuận. Tuy nhiên, Bà Q mới trả cho bà 55.000.000đồng khi ký kết. Bà đã ứng tiền cho việc tư vấn thiết kế, lắp đặt thiết bị, dụng cụ theo dự toán được nêu trong phụ lục số 01 với chi phí ước tính không quá 120.000.000đồng, do Bà Q khó khăn nên bà không yêu cầu hoàn trả lại số tiền này. Theo phụ lục hợp đồng số 02 thì Bà Q

phải gửi cho bà tiền thế chân là 100.000.000đồng, bà T chưa trả khoản tiền này cho bà. Về các mặt hàng bà đã cung cấp cho Bà Q ngày 24-3-2018 để trưng bày giữa 02 bên chưa có việc giao nhận hàng hóa nên số hàng trên vẫn thuộc quyền sở hữu của bà, Bà Q không cắt cử người trông coi nên bà phải cho người mang về. Trong quá trình hai bên còn đang thương lượng Bà Q tự ý trả lại mặt bằng mà không được sự đồng ý của bà và không tiếp tục thực hiện công việc, đến thời điểm này Bà Q vẫn không có văn bản nào thông báo với bà về việc ngưng hay tiếp tục thực hiện thỏa thuận, đây là hành vi vi phạm thỏa thuận của Bà Q tự ý chấm dứt thực hiện hợp đồng và gây ra những tổn thất cho bà nên trước yêu cầu khởi kiện của Bà Q thì bà không đồng ý. Đồng thời có yêu cầu phản tố, yêu cầu Bà Q thanh toán cho bà các khoản như sau: Hoàn trả chi phí nhượng quyền 120.000.000đồng, đã trả 55.000.000đồng, còn phải trả 65.000.000đồng; tiền thế chân theo cam kết 100.000.000đồng. Tổng cộng 165.000.000đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 14/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện L xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc Tố Q.

Hủy thỏa thuận cung cấp sản phẩm mặt hàng đá quý, đá phong thủy ngày 28-02-2018 giữa bà Nguyễn Ngọc Tố Q và bà Phạm Ngọc Thiên T.

Bà Phạm Ngọc Thiên T có trách nhiệm hoàn trả cho bà Nguyễn Ngọc Tố Q số tiền 120.000.000đồng và bồi thường cho bà Nguyễn Ngọc Tố Q số tiền 62.000.000đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 23-12-2021 bà Phạm Ngọc Thiên T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay,

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Thanh D đề nghị giải quyết như bản án sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị huỷ toàn bộ bản án vì vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về thẩm quyền xét xử và không xem xét đến yêu cầu phản tố của bị đơn trong vụ án này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đ phát biểu: Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng

dân sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 117.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bà Phạm Ngọc Thiên T trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Ngọc Tố Q khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy bỏ thỏa thuận giữa bà và bà T đã ký ngày 28-02-2018; yêu cầu bà T trả lại số tiền 120.000.000đồng và bồi thường tiền thuê nhà 01 tháng (từ ngày 08-3-2018 đến ngày 08-4-2018) là 14.000.000đồng, tiền đặt cọc thuê nhà bị mất là 42.000.000đồng, tiền lắp đặt hệ thống điện là 4.800.000đồng, chi phí lắp đặt internet tại cửa hàng là 1.200.000đồng. Tổng cộng 182.000.000đồng. Còn bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên toà Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã cung cấp địa chỉ mới tại: D2, đường 5B Him Lam, phường Tân Hưng, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án không thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện L. Xét nội dung đơn khởi kiện nguyên đơn đã cung cấp địa chỉ của bị đơn tại: số 167 Lý Thường Kiệt, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đ và đúng địa chỉ các bên thoả thuận đã ký trong hợp đồng hợp tác nói trên, còn việc sau khi Toà án thụ lý vụ án bị đơn cung cấp địa chỉ mới chỉ làm thay đổi về thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng không làm thay đổi về thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó lời trình bày của luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là *"Tranh chấp về hợp đồng hợp tác"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện L là có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn thấy rằng:

[2.1] Xuất phát từ việc giữa bà Nguyễn Ngọc Tố Q và bà Phạm Ngọc Thiên T (Cửa hàng đá quý - Đá phong thủy Phúc Khang) có ký thỏa thuận cung cấp sản phẩm mặt hàng đá quý, đá phong thủy số 01-2018/TT-ĐPTPK ngày 28-02-2018. Theo đó bà Nguyễn Ngọc Tố Q làm đại lý kinh doanh mặt hàng đá quý thương hiệu Đá phong thủy Phúc Khang tại địa chỉ 177 Cao Đạt, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh cho đá phong thủy Phúc Khang do bà Phạm

Ngọc Thiên T đại diện, cùng ngày hai bên ký tiếp hai phụ lục số 01, số 02 về giá trị hàng hóa, công cụ ban đầu và bổ sung các điều khoản trong thỏa thuận ngày 28-2-2018. Thực hiện thoả thuận trên nguyên đơn cho rằng đã đưa cho bị đơn số tiền 120.000.000đồng (ngày khi ký hợp đồng đưa 55.000.000đồng; sau ngày ký kết hợp đồng đưa 50.000.000đồng và 15.000.000đồng chuyển khoản) và đã tiến hành thuê nhà để bị đơn cung cấp các thiết bị trang trí mở cửa hàng theo thoả thuận, do bị đơn không thực hiện đúng thoả thuận nên khởi kiện đòi lại số tiền đã đưa 120.000.000đồng và bồi thường số tiền thuê nhà 01 tháng 14.0000.000đồng, phạt cọc 42.000.000đồng, tiền chi phí lắp đặt điện 4.800.000đồng, tiền lắp đặt internet 1.200.000đồng, tổng cộng 182.000.000đồng. Còn bị đơn cho rằng nguyên đơn vi phạm thoả thuận chưa thanh toán số tiền 65.000.000đồng còn lại trong thoả thuận hợp tác ngày 28-02-2018 và khi bị đơn thực hiện phụ lục số 01 là trang trí của hàng, đã đưa sản phẩm trưng bày nhưng bị đơn không thiện chí hợp tác bỏ cửa hàng không người trông coi do đó không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên các bên phát sinh tranh chấp.

[2.2] Qua xem xét việc thực hiện hợp đồng hợp tác trên thì thấy: thực hiện thoả thuận trên nguyên đơn đã ký hợp đồng thuê nhà số 177 Cao Đạt, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh với bà Nguyễn Thị Như Lệ để làm đại lý, lắp điện, lắp internet; còn bị đơn đã tiến hành thực hiện các thoả thuận tại phụ lục số 01 trang trí cửa hàng (làm bảng hiệu trang trí, làm tủ trưng bày, kệ trưng bày, bàn, ghế làm việc) và đưa sản phẩm đến trưng bày. Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên toà nguyên đơn và bị đơn đều không chứng minh được việc thực hiện thoả thuận ngày 28-02-2018 và các phụ lục số 01; số 02 hai bên đã tiến hành thực hiện các điều khoản nào, trách nhiệm của các bên trong thoả thuận; nguyên đơn cho rằng đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán cho bị đơn số tiền 120.000.000đồng nhưng không xuất trình được chứng cứ đã thanh toán số tiền 65.000.000đồng, còn bị đơn thừa nhận có nhận 55.000.000đồng và cũng không xuất trình được chứng cứ nào đã thông báo yêu cầu nguyên đơn thanh toán số tiền còn thiếu này. Sau khi có phát sinh tranh chấp, giữa hai bên cũng không thông báo cho nhau về các điều khoản đã thực hiện và đã tự chấm dứt thoả thuận theo quy định tại Điều 422 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, lỗi dẫn đến không thực hiện thoả thuận là do hai bên nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn huỷ thoả thuận ngày 28-02-2018 là có căn cứ. Mặc dù nguyên đơn không yêu cầu huỷ các phụ lục số 01; 02 nhưng do phụ lục số 01; 02 là bộ phận không thể tách rời của thoả thuận nói trên, do vậy cần huỷ các phụ lục số 01; 02 mới giải quyết triệt để vụ án.

Đối với việc giải quyết hậu quả việc huỷ hợp đồng cấp sơ thẩm buộc bị đơn có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn số tiền 182.000.000đồng *(số tiền đã đưa 120.000.000đồng và bồi thường số tiền thuê nhà 01 tháng 14.0000.000đồng, phạt cọc 42.000.000đồng, tiền chi phí lắp đặt điện 4.800.000đồng, tiền lắp đặt internet 1.200.000đồng)* là không có căn cứ.

Theo quy định tại Điều 427 Bộ luật dân sự 2015 về hậu quả của việc huỷ bỏ hợp đồng:

‘‘*1. Khi hợp đồng bị huỷ bỏ thì hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm giao kết, các bên không phải thực hiện nghĩa vụ đã thoả thuận…*

2. Các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận sau khi trừ chi phí hợp lý trong thực hiện hợp đồng và chi phí bảo quản, phát triển tài sản. Việc hoàn trả được thực hiện bằng hiện vật… ’’.

Như vậy, trong quá trình thực hiện thoả thuận nguyên đơn đã tiến hành thuê nhà, lắp đặt điện, lắp đặt internet, còn bị đơn đã tiến hành thực hiện phụ lục số 01: làm bảng hiệu trang trí, làm tủ trưng bày, kệ trưng bày, bàn, ghế làm việc… Sau khi các bên không thực hiện thoả thuận thì hai bên đã tự lấy các tài sản do mình đã đầu tư, đây được xem như các chi phí hợp lý các bên đã bỏ ra để thực hiện thoả thuận nên hai bên phải tự chịu. Đối với số tiền 120.000.000đồng tiền nhượng quyền phân phối hàng hoá và thương hiệu do hai bên chưa thực hiện được, cần buộc các bên phải hoàn trả cho nhau số tiền này. Nguyên đơn cho rằng đã thanh toán đủ số tiền 120.000.000đồng nhưng không xuất trình được chứng cứ thể hiện đã thanh toán tiếp số tiền 65.000.000đồng, còn bị đơn thừa nhận đã nhận số tiền 55.000.000đồng ngày 28-02-2018. Do đó cần buộc bị đơn thanh toán lại cho nguyên đơn số tiền 55.000.000đồng là phù hợp.

[2.3] Từ những phân tích trên cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án theo hướng đã nhận định.

[3] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Cụ thể:

Bị đơn bà Phạm Ngọc Thiên T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền thanh toán cho nguyên đơn là 55.000.000đồng x 5% = 2.750.000đồng.

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền không được chấp nhận 127.000.000đồng x 5% = 6.350.000đồng.

Do sửa án sơ thẩm nên các bên đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Phạm Ngọc Thiên T, sửa bản án sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 14/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện L.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Tố Q về tranh chấp hợp đồng hợp tác với bị đơn bà Phạm Ngọc Thiên T.

Huỷ thoả thuận cung cấp sản phẩm mặt hàng đá quý, đá phong thuỷ ngày 28-02-2018 và các phụ lục số 01, số 02 ngày 28-02-2018 giữa bà Nguyễn Ngọc Tố Q và bà Phạm Ngọc Thiên T.

Buộc bà Phạm Ngọc Thiên T có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Nguyễn Ngọc Tố Q số tiền 55.000.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác".

[2] Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Ngọc Tố Q yêu cầu bà Phạm Ngọc Thiên T trả số tiền 127.000.000đồng.

[3] Về án phí:

Buộc bà Phạm Ngọc Thiên T phải chịu 2.750.000đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền đã tạm nộp 300.000đồng theo biên lai thu số 0006509 ngày 8/3/2022 của Chi cục Thi hành án huyện L nên còn phải nộp 2.450.000đồng án phí dân sự còn thiếu.

Buộc bà Nguyễn Ngọc Tố Q phải chịu 6.350.000đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền đã tạm nộp 4.550.000đồng theo biên lai thu số AA/2016/0009324 ngày 03/01/2019 của Chi cục Thi hành án huyện L nên còn phải nộp 1.800.000đồng án phí dân sự còn thiếu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Mạnh Hùng **Nguyễn Văn Đức** **Nguyễn Thành Tâm**

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đ;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Phòng KTNV&THA;
- Đương sự (06);
- Lưu: Bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thành Tâm